SAO Y
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4
Thời gian ký: 2025-01-09T17:59:20+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 109 /UBND-KT V/v công khai số liệu chi ngân sách năm 2024 của Quận 4.	*Quận 4, ngày 09 tháng 01 năm 2025*

Kính gửi: Sở Tài chính Thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ tình hình thực hiện chi ngân sách năm 2024, Ủy ban nhân dân Quận 4 thông báo công khai số liệu chi ngân sách năm 2024 của Quận 4.

(Đính kèm báo cáo thuyết minh và biểu số liệu chi tiết)

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 4 thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử Quận 4 theo quy định./.

Nơi nhận :
- Như trên;
- UBND Quận 4 (d/c Chiến);
- VP UB: CVP;
- Phòng TC-KH Quận 4;
- Lưu: Vt.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 CỦA QUẬN 4

(Kèm theo Công văn số 109 /UBND-KT ngày 09 tháng 01 năm 2025)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5758/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2128/QĐ-UBND-TH ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ kết quả thực hiện chi ngân sách năm 2024, Ủy ban nhân dân Quận 4 báo cáo số liệu và thuyết minh tình hình chi ngân sách năm 2024 của Quận 4 như sau:

Tổng chi ngân sách địa phương: 755.912 triệu đồng đạt 86,78% so với dự toán năm 2024 (871.051 triệu đồng), tăng 15,78% so với cùng kỳ (652.901 triệu đồng). Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 203.923 triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề: 312.116 triệu đồng
- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 67.921 triệu đồng
- Chi bảo đảm xã hội: 61.678 triệu đồng
- Chi hoạt động kinh tế: 18.747 triệu đồng
- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 33.638 triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 5.922 triệu đồng
- Chi Quốc phòng: 34.959 triệu đồng
- Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội: 16.662 triệu đồng
- Chi khác: 346 triệu đồng

Trên đây là báo cáo thuyết minh công khai tình hình thực hiện chi năm 2024 ngân sách Quận 4./.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số 109 /UBND-KT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 4)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện năm 2024	So sánh %	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	**871.051**	**755.912**	**86,78**	**115,78**
1	***Chi quản lý hành chính***	***198.784***	***203.923***	***102,58***	***121,17***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	91.244	91.795	100,60	124,05
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	107.540	112.127	104,27	118,92
2	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***364.573***	***312.116***	***85,61***	***120,57***
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	177.226	177.816	100,33	140,43
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	187.347	134.300	71,69	101,55
3	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***80.222***	***67.921***	***84,67***	***109,27***
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20.213	20.343	100,64	115,22
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60.009	47.579	79,29	106,91
4	***Chi bảo đảm xã hội***	***62.304***	***61.678***	***99,00***	***92,39***
4.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	62.304	61.678	99,00	92,39
5	***Chi hoạt động kinh tế***	***45.865***	***18.747***	***40,87***	***88,53***
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	45.865	18.747	40,87	88,53
6	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường***	***42.117***	***33.638***	***79,87***	***112,18***
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	42.117	33.638	79,87	112,18
7	***Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin***	***6.500***	***5.922***	***91,10***	***133,94***
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.923	2.833	96,93	138,52
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.577	3.088	86,34	130,00
8	***Chi sự nghiệp thể dục, thể thao***	***450***	-	-	-
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	450		-	-
9	***Chi Quốc phòng***	***33.652***	***34.959***	***103,88***	***113,64***
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.142	4.221	101,92	119,38
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29.510	30.738	104,16	112,90
10	***Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội***	***10.330***	***16.662***	***161,30***	***184,15***
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.330	16.662	161,30	184,15
11	***Chi khác***	-	***346***		***108,00***
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		346		108,00
12	***Dự phòng chưa phân bổ***	***26.254***			

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4